

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH PHÚ
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 155/2024/DS-ST
Ngày 28-8-2024.
V/v tranh chấp “Hợp đồng mua bán”.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH PHÚ–TỈNH BẾN TRE**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Vân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thanh Hải.

2. Ông Võ Văn Hiện.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Như Sương–Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Phú, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Phú tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Phú Quý – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 8 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Phú xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 196/2024/TLST-DS ngày 04 tháng 5 năm 2024 về tranh chấp “Hợp đồng mua bán tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 159/2024/QĐST-DS ngày 22 tháng 7 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Trần Duy Q, sinh năm 1997. Địa chỉ: thôn PH, xã NI, huyện NH, tỉnh KH; Địa chỉ liên hệ: ấp AHB, xã AT, huyện P, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo uỷ quyền của anh Trần Duy Q: Chị Lê Thị Thuý T, sinh năm 1997; Địa chỉ thường trú: ấp TM, xã MA, huyện P, tỉnh Bến Tre. Chị T có yêu cầu xét xử vắng mặt.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1968 và bà Nguyễn Thị Trúng X, sinh năm 1968; Nơi cư trú: ấp TM, xã MA, huyện P, tỉnh Bến Tre. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng tại Tòa án người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn trình bày:

Anh Trần Duy Q và ông Nguyễn Văn H, bà Nguyễn Thị Trúng X thực hiện giao dịch mua bán thức ăn tôm, theo đó anh Q bán thức ăn nuôi tôm thẻ chân trắng, tôm sú mang nhãn hiệu Việt Hoa và các loại thuốc thủy sản theo số lượng đặt hàng của ông Nguyễn Văn H, bà Nguyễn Thị Trúng X nuôi tôm, đến cuối vụ ông H, bà TX phải

thanh toán dứt điểm công nợ cho anh Q. Trong quá trình giao dịch, ông H, bà TX không thực hiện trả tiền đúng theo thỏa thuận, đến cuối vụ không thanh toán hết công nợ cho anh Q. Theo Bảng đối chiếu công nợ ngày 13/10/2023 ông H, bà TX còn nợ anh Q số tiền là 67.686.000 đồng. Anh Q đã nhiều lần yêu cầu ông H, bà TX thanh toán nhưng ông H, bà TX trốn tránh nên anh Q khởi kiện ông H, bà TX.

Anh Q yêu cầu ông H, bà TX phải nghĩa vụ liên đới trả cho anh Q số tiền là 67.686.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 08 tháng 7 năm 2024 bị đơn bà Nguyễn Thị Trúng X trình bày:

Bà với ông Nguyễn Văn H là vợ chồng. Trước đây vợ chồng có nuôi tôm công nghiệp có mua thức ăn tại cửa hàng của anh Q, khi đó bà đi làm ăn xa nên không có nhà. Do nuôi tôm thất bát nên vợ chồng bà còn nợ tiền của anh Q. Do ông H trực tiếp mua thức ăn với anh Q nên bà không biết là nợ bao nhiêu tiền, trước đó bà có nghe là có nợ hơn 60.000.000 đồng nhưng không biết chính xác là bao nhiêu. Hiện nay ông H đi làm không có nhà nên không đối chiếu được nợ với anh Q, bà yêu cầu Tòa án đòi lại ngày 05/8/2024 để ông H về đối chiếu với anh Q, chứ giờ bà không biết là nợ bao nhiêu. Bà thừa nhận chữ ký tại bảng đối chiếu xác nhận công nợ ngày 13/10/2023 là do bà ký nhưng khi ký tên thì vợ chồng bà chưa đối chiếu công nợ với anh Q nên bà không xác nhận nợ được.

Tuy nhiên, khi kết thúc biên bản bà H đã tự đọc lại toàn bộ nội dung biên bản lấy lời khai nêu trên nhưng bà H không đồng ý ký tên vào biên bản và bỏ ra về.

Bị đơn ông Nguyễn Văn H đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ nhiều lần các thông báo, quyết định nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, không cung cấp chứng cứ chứng minh để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về Q hệ pháp luật: Đây là vụ án “Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2] Về thẩm quyền: Bị đơn ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị Trúng X cư trú tại ấp TM, xã MA, huyện P, tỉnh Bến Tre. Do đó vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú theo quy định tại khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về tố tụng: Bị đơn ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị Trúng X đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng đúng trình tự, thủ tục theo quy định tại Điều 177 Bộ luật tố tụng dân sự nhưng ông H và TX đều vắng mặt không có lý do. Căn cứ

quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông H và bà TX.

[4] Nội dung vụ án: Anh Q yêu cầu ông H và bà TX phải có nghĩa vụ liên đới trả cho anh Q số tiền là 67.686.000 đồng. Bà TX thừa nhận chữ ký tại bảng đối chiếu xác nhận công nợ ngày 13/10/2023 là do bà ký nhưng khi ký tên thì vợ chồng bà chưa đối chiếu công nợ với anh Q nên bà không xác nhận nợ được nhưng trước đây bà có nghe nói là có nợ hơn 60.000.000 đồng.

[5] Xét lời trình bày của bà TX, xét thấy: trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã nhiều lần tổng đạt hợp lệ cho ông H và bà TX các thông báo, quyết định của Tòa án nhưng đều vắng mặt không có lý do nên ông H và bà TX đã từ bỏ nghĩa vụ chứng minh của mình theo quy định tại Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Tuy nhiên, tại biên bản lấy lời khai ngày 08 tháng 7 năm 2024 bà TX thừa nhận có ký tên vào bảng đối chiếu xác nhận ngày 13/10/2023 và trước đó bà cũng thừa nhận là có nghe nợ anh Q số tiền là hơn 60.000.000 đồng.

[6] Xét yêu cầu của anh Q, xét thấy: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và lời trình bày của các đương sự có đủ cơ sở xác định, hợp đồng mua bán giữa anh Q với ông H và bà TX được xác lập trên cơ sở tự nguyện và bình đẳng không bên nào bị lừa dối hoặc bị ép buộc nên được xem là hợp đồng hợp pháp. Do đó làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa các bên nên các bên phải có trách nhiệm thực hiện các thỏa thuận đã cam kết. Quá trình thực hiện hợp đồng ông H và bà TX đã vi phạm hợp đồng mà hai bên đã thỏa thuận làm phát sinh tranh chấp. Lễ đó yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Trần Duy Q là có căn cứ nên cần buộc bị đơn ông H và TX phải có nghĩa vụ liên đới trả cho anh Q số tiền là 67.686.000 đồng phù hợp.

[7] Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Trần Duy Q được chấp nhận nên bị đơn ông H và bà TX phải nộp án phí dân sự sơ thẩm và chi phí tố tụng theo quy định của pháp luật.

[8] Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 26, điểm b, khoản 1 Điều 35, 39, 147, 217, 266 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 430, 440, 357 Bộ luật dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí của Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của anh Trần Duy Q. Buộc ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị Trúng X có nghĩa vụ liên đới giao trả cho anh Trần Duy Q số tiền là 67.686.000 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ Q thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Anh Trần Duy Q được Chi Cục thi hành án dân sự huyện Thạnh Phú hoàn trả số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.693.000 đồng theo biên lai thu số 0000150 ngày 02 tháng 5 năm 2024.

- Ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị Trúng X phải liên đới nộp là 3.384.300 đồng.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Thạnh Phú;
- Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre;
- Chi cục THADS huyện Thạnh Phú;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Trần Thị Vân